

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/08/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR+RP3+RC4	7:25	20+0+1	0+0+0		18+2+0	0+0+0	
2		SAVR+RC10+RP2	9:25	9+1+10	0+0+0		8+0+9	0+0+0	
3		P11+P3+BK15	11:25	6+15+0	0+0+0		0+14+7	0+0+0	chuyen 2 P3- BK15

TPBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:32
B.CARD: XANH-1	TO:SAVR- RP3 - RC4	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - QTRƯỜNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/2956	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM QUỐC MINH	SAVR	23-24	2	15	1	27	83	XN ĐỊA VÃ	Vietnamese
2	VOZHENKO GEORGII	SAVR	98	1	9	1	24	85	AMNGR	Russian
3	NGUYEN DUY KHIEM	SAVR	26	1	9			75	D-HANH	Vietnamese
4	BUI ANH TU	SAVR	27	1	11			69	KHOAN	Vietnamese
5	DOROSHENKO ARTEM	SAVR	18-19	2	14			75	AMNGR	Russian
6	ABDRAKHMANOV ARTUR	SAVR	800	1	10			82	AMNGR	Russian
7	GRISHUNIN SERGEY	SAVR	42	1	6			79	AMNGR	Russian
8	MUSIN ALEKSEI	SAVR	46-47	2	7			87	AMNGR	Russian
9	URZHANOV BAKHETZHAN	SAVR	96-97	2	12			106	AMNGR	Russian
10	ZUBOV ILIA	SAVR	45	1	10			78	AMNGR	Russian
11	ZHALEIKO NIKITA	SAVR	94-95	2	11			93	AMNGR	Russian
12	PANKOV SERGEY	SAVR	20	1	4			80	AMNGR	Russian
13	REBROV ILIA	SAVR	43-44	2	17			82	AMNGR	Russian
14	LÊ HUY ĐIẾP	SAVR	39-40	2	13			55	VTEPCO	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HUY	SAVR	21-22	2	12			68	VTEPCO	Vietnamese
16	DƯƠNG MẠNH HÙNG	SAVR	28	1	6	2	41	62	VTEPCO	Vietnamese
17	VŨ VĂN ĐÔNG	SAVR	25	1	6			64	VTEPCO	Vietnamese
18	PHẠM VĂN AN	SAVR	48-49	2	11			71	VTEPCO	Vietnamese
19	NGUYỄN HOÀNG NAM	SAVR	41	1	4			64	MINH MINH	Vietnamese
20	ĐỖ CÔNG TIẾN	RC4	09-10	2	18	1	14	75	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	19	1.458	28	187	4	92	18		
2	RP3	0	0	0	0	0	0	2		
3	RC4	1	75	2	18	1	14	0		
TOTAL		20	1.533	30	205	5	106	20		
WEIGHT KG			1.533		205		106			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BUI HOÀNG DƯƠNG
NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO:SAVR- RP2	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - QTRƯỜNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/2957	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM THANH HA	SAVR	52-54	3	17	1	30	64	MINH MINH	Vietnamese
2	HOANG BA HUNG	SAVR	55-56	2	12			64	HONG HA	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HOANG VU	SAVR	61	1	15			83	BAKER HU	Vietnamese
4	DANG MINH SON	SAVR	59-60	2	16			68	BAKER HU	Vietnamese
5	DINESH DAVID PILLAI	SAVR	57-58	2	20			86	BAKER HU	Indian
6	NGUYEN VAN TUNG	SAVR	64	1	9	6	66	73	SHINTRACC	Vietnamese
7	HỒ MINH TÂN	SAVR	62-63	2	8			94	SHINTRACC	Vietnamese
8	HỒ VĂN THÔNG	SAVR	65	1	4			86	SHINTRACC	Vietnamese
9	Y DUNG H MOK	SAVR	66	1	7			69	SHINTRACC	Vietnamese
10	KHUC THAI HOA	SAVR	51	1	17			67	DMC-MI	Vietnamese
11	VÔ VĂN HIỆP	RP2	77-78	2	17	1	10	73	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN NHẬT LINH	RP2	76	1	14			76	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN XUÂN MẠNH	RP2	79	1	16			102	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI VĂN TUẤN	RP2	84	1	15			82	XAYLAP	Vietnamese
15	NGÔ THANH NAM	RP2	85	1	18			67	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN KHANH	RP2	82-83	2	14			72	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN ĐÌNH QUÂN	RP2	86-87	2	19			61	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ VĂN LỢI	RP2	73-74	2	20	1	6	70	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN DANH LUẬT	RP2	80-81	2	16			66	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN ĐANG HIÊU	RP2	88-89	2	15			59	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	10	754	16	125	7	96	8		
2	RP2	10	728	16	164	2	16	9		
TOTAL		20	1.482	32	289	9	112	17		
WEIGHT KG			1.482		289		112			

GRAND TOAL: 1.883 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

BUI HOÀNG DƯƠNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: TRANG-3	TO: P11 - P3 - BK15	CREW: HÙNG - MTHAO - DTÙNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/2958	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN XUAN VU	P11	33	1	8			74	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN DUC THIEN	P11	29	1	10			50	CODIEN	Vietnamese
3	LE VAN KIEM	P11	30	1	8			78	CODIEN	Vietnamese
4	PHAM VAN HUU	P11	32	1	12			65	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN PHONG	P11	34	1	6			56	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HUONG	P11	31	1	9			70	CODIEN	Vietnamese
7	LE VIET ANH DUC	P3	33	1	12			81	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM VAN VUI	P3	46-47	2	17			62	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI VAN THINH	P3	29	1	12			73	XAYLAP	Vietnamese
10	HUYNH DUC TAM	P3	34	1	7			69	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG HAI	P3	40-41	2	22			61	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN PHU NAM	P3	37	1	11			61	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG VAN TAM	P3	28	1	12			66	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC GIAP	P3	44-45	2	23			62	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN DE	P3	49-50	2	23			52	XAYLAP	Vietnamese
16	LUONG DUC DAN	P3	35-36	2	21			68	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN BA QUY	P3	38-39	2	19	2	30	73	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC TAI	P3	42-43	2	23			75	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAM VAN TRINH	P3	31-32	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC QUANG	P3	30	1	15			62	XAYLAP	Vietnamese
21	VU XUAN TIEN	P3	48	1	13	1	15	70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	6	393	6	53	0	0	0		
2	P3	15	1.004	23	250	3	45	14	42	CHUYEN 2 PAX P3-BK15
3	BK15	0	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		21	1.397	29	303	3	45	21		
WEIGHT KG			1.397		303		45			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
MAI VĂN THAO